

LUẬN A TỖ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 70

Phẩm 6: NÓI VỀ HIỀN THÁNH (PHẦN 14)

Lại vì sao các A-la-hán v.v... lìa nhiễm Hữu đẳng đồng với không thọ sinh sau, nhưng qua đó, có người ở ngay trong phiền não, chứng pháp không sinh, mà không phải tất cả?

Có thuyết nói: Do căn có sai khác.

Cách giải thích này phi lý, vì Khế kinh nói phẩm căn của Thoái pháp, Bất thoái pháp là đồng, như nói năm căn tăng thượng mạnh mẽ, vì rất viên mãn, nên gọi là Câu giải thoát. Nhưng có Câu giải thoát là chủng tánh lui sụt, không phải căn thù thắng mới chứng hoặc không sinh.

Nếu như vậy, vì chủng tánh khác nào? Sáu thứ chủng tánh chỉ Ứng quả có, ngoài ra có hay không? Tu tập luyện căn chỉ vị Vô học hay ở vị khác cũng có? Tụng rằng:

Phàm phu, học cũng sáu

Luyện căn không Kiến đạo.

Luận nói: Chủng tánh Hữu học, phàm phu cũng sáu. Sáu thứ Ứng quả, Hữu học kia đứng đầu. Do chủng tánh đã an trụ có sai khác, nên có dứt hoặc, về sau sinh, chẳng sinh. Nhất định vào thời gian nào, hoặc đã dứt, chứng pháp “chẳng sinh”? Nghĩa là khi đạt được đạo thù thắng thì có khả năng dứt loại phiền não này.

Nếu vậy, được sự chẳng sinh này nên là trạch diệt chứ không phải phi trạch diệt. Nếu là phi trạch diệt thì phi trạch diệt nên là quả đạo? Như thế, thì sẽ trái với Thánh giáo, như nói: Thế nào là không phải quả pháp? Nghĩa là phi trạch diệt và hư không, không có lỗi chẳng sinh này trở thành trạch diệt, vì đạo thù thắng chuyển, không phải vì phi trạch diệt này. Vì đã không phải đối tượng làm, nên không phải quả đạo, nghĩa là đạo thù thắng chuyển vì chứng trạch diệt chẳng phải phi trạch

diệt. Lúc đạo chuyển đã chứng sự chẳng sinh, không gọi là quả đạo, như đốt đèn, vốn vì xua tan bóng tối, không phải vì dầu hết, khi đèn phát ra ánh sáng không phải chỉ xua tan bóng tối, mà cũng làm cho cạn hết dầu, nhưng dầu này cạn hết, không phải cần bản muốn làm. Cho nên, không nói là quả của đốt đèn. Quả đạo này lẽ ra cũng như thế, nên không có lỗi. Vì vậy, khi chứng tánh thù thắng và đạo thù thắng sinh, cũng chứng minh được sự chẳng sinh nhưng chẳng phải quả đạo.

Nay, xét rõ là do đạo đã chứng bất sinh, nhất định không do cần thuận theo đều được. Nhưng do sức chứng tánh thù thắng mà được, nên người Bất động, hoặc nhất định không sinh.

Trước nói hạng Vô học Thoái pháp có ba:

1. Tăng tiến căn.
2. Thoái trụ lại Học
3. Trụ vị mình mà nhập Niết-bàn.

Bốn là hạng Tư v.v... thuận theo mà có bốn, năm, sáu, bảy, không phải chỉ Vô học có tăng tiến căn mà phàm phu Hữu học cũng có nghĩa này, chỉ không phải Kiến đạo có khả năng tu luyện căn, vì vị này không chấp nhận khởi gia hạnh, nghĩa là vị Kiến đạo vận chuyển nhanh chóng, không có rỗi ở trong đó lại tu việc khác, chỉ ở trong vị phàm phu Tín giải, có công năng tu luyện căn như quả vị Vô học giống như nói Bất động lui sụt hiện pháp lạc.

Sao Bất động pháp cũng thừa nhận có nghĩa lui sụt mà không có lỗi trái với nhau? Vì sao? Tụng rằng:

*Nên biết thoái có ba Đã,
chưa được, thọ dụng
Phật chỉ có sau cùng
Lợi giữa, sau, độn ba.*

Luận nói: Nên biết thoái lui có ba thứ:

1. Thoái cái đã được, nghĩa là lui sụt công đức cao quý đã được.
2. Thoái cái chưa được, nghĩa là chưa có khả năng đạt được công đức đáng được.
3. Thoái sự thọ dụng, nghĩa là các công đức cao quý đã được, không thể hiển hiện ở trước.

Hai thoái trước lấy phi đặc làm thể, thoái thứ ba chỉ công đức kia không hiện tiền.

Trong ba thoái này, Đức Thế Tôn chỉ có một thoái thọ dụng. Vì có quyết định sự nghiệp đã làm dẫn dắt tâm mình, nên mặc dù có vô lượng công đức Phật pháp bất cộng hi hữu nhưng không có thời gian rảnh mà

thọ dụng. Cho nên trừ Phật, Đức Thế Tôn, còn Bất động pháp (A la hán) có đủ thoái lui cái chưa được và thoái lui sự thọ dụng. Nghĩa là đối với định Vô tránh thù thắng v.v..., lẽ ra được công đức mà chưa có khả năng được, nên có thoái lui cái chưa được. Có sự nghiệp khác lôi kéo, dẫn dắt tâm mình, đối với công đức đã được, không có thời gian rảnh hưởng thụ, nên gọi là thoái lui sự thọ dụng. Năm chủng tánh còn lại chấp nhận có ba, tức cũng chấp nhận lui mất công đức đã được. Căn cứ thoái lui sự thọ dụng, nói Bất động pháp thoái lui hiện pháp lạc, không có gì mâu thuẫn cả.

Ở đây, Kinh chủ nói như thế này: Căn cứ tông chỉ không có lui sụt, không nên đặt ra vấn nạn: Sao Bất động lui sụt hiện pháp lạc, không phải vì căn cứ ở thoái, không thoái tĩnh lự? Kinh nói Động pháp và Bất động pháp, tất cả Ứng quả vô lậu, giải thoát, đều gọi Bất động tâm giải thoát. Nhưng đối với tĩnh lự trong sự khởi tự tại, có thể có lui sụt, gọi là Thoái pháp ; không thể lui sụt, gọi là Bất thoái pháp. Như thế, Tư v.v.. như lý thuận theo mà suy diễn.

Nếu vậy, thì Bất thoái, An trụ, Bất động có gì sai khác?

Đều vì không có lui mất ở trong tĩnh lự, khởi tự tại, nên không phải do luyện căn mà được gọi là Bất thoái. Sở đắc của luyện căn gọi là Bất động. Hai loại này đã khởi Đẳng chí thù thắng. Nếu có gặp phải duyên lui sụt, cũng không có lý thoái. Còn An trụ chỉ ở đã trụ, trong các đức thù thắng có thể không có lui mất nhưng không có khả năng dẫn đức thù thắng khác sinh nữa. Nếu có dẫn sinh thì có khả năng thoái lui từ công đức ấy. Đó là sự sai khác của ba thứ như Bất thoái v.v...

Như thế, kiến lập sự sai khác giữa thoái, bất thoái v.v... của quả A-la-hán không thành! Vả lại, căn cứ ở lui mất hiện pháp lạc trụ, tánh khởi tự tại, kiến lập Thoái pháp giống như mỗi thứ trước tìm tòi, gạn hỏi rồi phá ba thứ như Bất thoái v.v... sẽ có lỗi lẫn lộn nhau.

Vả lại, dựa vào phái Thượng tọa kia, chấp An trụ, Bất thoái, hai bậc Thánh tương ứng không có sai khác, vì thừa nhận cả hai đều cùng có; chẳng phải do luyện căn mà được. Tức là đều cùng có không thoái lui những công đức thù thắng đã được, và đều cùng có khả năng phát khởi những công đức thù thắng chưa được. Mặc dù nói An trụ mới khởi đức thù thắng có thể có lý lui sụt khác với Bất thoái, mà tên An trụ không dựa vào đức kia lập, vì tên An trụ chỉ rõ đã lìa sự tiến, thoái.

Lại, tông kia thừa nhận An trụ, có căn tánh nhạỵ bén, sao lại nói là có lui sụt đức thù thắng mới khởi?

Nếu thừa nhận có thoái tương ứng gọi là Thoái pháp thì pháp thoái

của tông kia, cũng không phải lui sụt hoàn toàn, vì lui sụt hoàn toàn, thì sẽ khởi phiền não. Nói Bất động do luyện căn được, khác với Bất thoái pháp, về lý cũng không thành. Do theo tông kia, đối với pháp hiện lạc, vì sợ mất tự tại, nên tu luyện căn, luyện căn đã được là thoái hay bất thoái? Nếu thừa nhận có thoái, thì nên gọi là Thoái pháp vì Kinh chủ kia tự nói: Nếu đối với tĩnh lực, lui mất tự tại, nên gọi Thoái pháp. Nếu thừa nhận Bất thoái giống như do sức thoái, đặt tên Thoái pháp, thì như thế, cũng nên do sức bất thoái, gọi là Bất thoái, tức là Bất động sẽ đồng với Bất thoái. Sao ở trong đó cố lập sai khác?

Nếu cho rằng bản tánh là căn tánh nhạy bén, gọi là Bất thoái pháp thì về sau, do tu luyện căn, mới thành tánh nhạy bén, gọi là Bất động pháp. Vì muốn chỉ rõ ra sự riêng biệt nên đặt riêng hai tên, thế thì tức là đồng An trụ và Kham đạt. Thuyết kia thừa nhận An trụ với căn tánh nhạy bén của bản tánh, không phải do luyện căn mà được tức là đồng với không có thoái. Mặc dù nói Bất thoái, có thể mới dẫn khởi công đức thù thắng khác với An trụ, mà về lý cũng không đúng, vì không căn cứ ở công đức thù thắng mới khởi để lập Bất thoái. Nghĩa là tông kia nói: Chủng tánh này, đối với đức thù thắng mới, có khởi hoặc không khởi, thì tánh căn cơ nhạy bén đối với hiện pháp lạc, không mất tự tại là tướng Bất thoái. An trụ cũng như thế, nên lẽ ra không có khác. Vì có khả năng đạt, nên được gọi là Kham đạt. Tông kia không nói từ chủng tánh này, lại đến giải thoát vô lậu của loại riêng, nhất định nên chỉ thừa nhận luyện căn hữu lậu, tức quyết định căn cứ ở chủng tánh Thoái pháp trước, tu luyện căn chuyển hành, gọi là Kham đạt. Vậy Kham đạt cũng do luyện căn thành. Căn được thành này là thoái hay bất thoái?

Nếu thừa nhận có thoái, thì phải gọi là Thoái pháp, nếu không có lui mất thì phải gọi là Bất động. Điều cùng có luyện căn được, thì đều bất thoái. Lại, không nên nói luyện căn hữu lậu, khi được rốt ráo, gọi là Bất động pháp. Do Bất động pháp này, là tánh Ứng quả, chứ không phải A-la-hán vì ít, kém, tạm thời hiện pháp lạc được tự tại, nên khởi gia hạnh lớn, tu tập luyện căn, tu lần lượt, cho đến Bất động pháp.

Vì thế, Kinh chủ chỉ nói theo tình ý của riêng mình không thể y cứ. Hướng đến lý Thánh giáo, chỉ có Chánh lý đối pháp là đáng nương tựa, tỏ ngộ sự sai khác về thoái v.v... của A-la-hán. Nghĩa là căn cứ ở công đức vô lậu đã thành trong thân Ứng quả có hơn kém khác nhau, lập ra sáu thứ chủng tánh sai khác. Các A-la-hán đạt được công đức vô lậu càng về sau càng tăng tiến hơn, thù thắng hơn, khởi gia hạnh lớn, tu tập luyện căn, đến mức cần cù, vất vả nhọc nhằn, có thể có lý này,

nhưng không phải là thế tục như cây chết mục rữa, cháy sém, dễ hoại khó thành, công đức thấp kém, tạm thời hiện khởi, cho dù rất cần cù vất vả! Nên tông kia không thể y cứ. Đã thừa nhận các A-la-hán thoái quả, vậy có còn sinh lại hay không? A-la-hán kia ở vị thoái mang theo hoặc, mà qua đời thì nên thọ sinh trở lại, và còn những sự khi đang trụ quả không là, lúc lui sụt có làm hay không?

A-la-hán kia đã khởi hoặc, thì thuận theo làm những sự trái nghịch với quả? Không có lỗi như thế. Vì sao? Tụng rằng:

*Tất cả thoái từ quả
Sẽ được không qua đời
Khi trụ quả, không làm
Thì sau thẹn, không làm.*

Luận nói: Không có thoái từ quả, trung gian qua đời. Thoái lui rồi, trong giây lát, sẽ được trở lại. Nếu có tuổi thọ sắp hết, thì chắc chắn không có việc lui sụt, không có mất niệm, phải còn tuổi thọ mới có việc lui sụt. Thoái rồi, không bao lâu, sẽ chứng đắc trở lại, như Khế kinh nói: “Bí-sô phải biết, các Thánh đệ tử học rộng như thế, lui sụt mất chánh niệm, lại nhanh chóng có thể trở lại, khiến cho chỗ lui sụt khởi tận, mất, diệt, ly”.

Nếu cho rằng không như vậy, thì quả tu phạm hạnh lẽ ra không phải chỗ yên ổn, đáng tin cậy, nương nhờ. Lại, trụ quả vị không nên làm trái với sự nghiệp quả, vì sự xấu hổ tăng. Dù tạm thời mất niệm, phiền não hiện hành, mà giống như khi trụ quả, nhất quyết không có làm. Như người thuộc họ tộc cao sang, dù khi tạm mất địa vị nhưng vẫn không bằng với kẻ tầm thường, tạo nghiệp thấp kém.

Lại, ai có thoái? Ai không có thoái? Người tu quán bất tịnh, nhập Thánh đạo, chấp nhận có lui mất, người tu giữ niệm hơi thở (quán số tức), nhập đạo Thánh, thì không có lui mất. Tôn trọng chỉ quán, không có tăng tham, si, như thứ lớp, nên biết có thoái, không thoái.

Cõi nào, đường nào chấp nhận có thoái?

Chỉ ba châu người cõi Dục có thoái. Xứ cửa sáu tầng trời cõi Dục, người được quả Thánh có thuyết nói: Vì căn tánh nhậy bén, nên không có thoái. Vì có trí thù thắng, chế phục được tâm, khiến trái ghét cảnh đẹp, nhập Thánh đạo.

Có thuyết nói: Thoái, là thiếu duyên trợ giúp. Hoặc thân, đối tượng nương tựa, mất quân bình. Xứ cửa sáu tầng trời cõi Dục, hai sự đều không có. Dù có căn tánh chậm lụt, tánh Tùy tín hành, nhưng sinh lên các tầng cõi trời Dục kia, được Thánh cũng không có việc thoái.

Các người có thoái, vì khởi hoặc lui sụt hay vì thoái trước rồi, hoặc mới hiện tiền. Hoặc có dục khiến do khởi hoặc lui sụt. Ý nghĩa này làm sao thông với Phẩm Loại Túc Luận ? Như Luận ấy nói: Tùy miên dục tham do ba xứ khởi.

1. Tùy miên dục tham vì chưa dứt trừ biết khắp.
2. Thuận với pháp triền kia, chánh hiện ở trước.
3. Đối với pháp triền kia, chánh khởi tác ý phi lý.

Cho đến nói rộng. Không có lỗi trái với nhau. Vì sao? Vì phiền não hiện tiền, lược có hai thứ: Đã dứt, chưa dứt khác biệt.

Trong đây thiên về nói chưa dứt mà khởi. Lại, phiền não khởi, lược có hai môn: Tâm nhiễm, không nhiễm vô gián khởi. Trong đây, thiên nói về vô gián nhiễm. Nghĩa là hoặc có lúc phiền não được đầy khởi, gồm có ba duyên, nhưng đối tượng nhờ vào để phiền não sinh không nhất định: Hoặc có phiền não chỉ nhờ sức của cảnh giới sinh, hoặc nhờ nhân cảnh, hoặc gồm gia hạnh. Đây là căn cứ đủ, nên nói là do ba. Hoặc lúc khởi hoặc, ba duyên phải đủ.

Khi tác ý phi lý chánh khởi hiện tiền, thì tùy miên vốn đã đoạn chắc chắn hình thành trở lại. Vậy thì tâm nào vô gián khởi hoặc mà thoái lui ư? Vả lại từ Vô học khởi hoặc mà lui sụt, nghĩa là nếu khởi triền Sắc, triền Vô sắc mà thoái lui thì chỉ từ định thuận theo phần thoái của tự địa tương ứng với tâm thiện vô gián mà khởi, không phải trụ ở cõi Dục và có địa bên trên thâu gồm tâm vô phú vô ký chỉ trừ tâm thông quả, nhưng không có từ triền hoặc kia mà lui sụt?

Há không thuận với phần thoái, đều ở địa mình, khi là nhiễm, xả, làm sao người Vô học chưa thoái lui mà khởi hoặc?

Tâm Vô học kia hiện ở trước, lý ấy thật là như thế, nhưng thuận với phần trụ có ba:

1. Ít thuận với thoái.
2. Ít thuận với tiến.
3. Giữ gìn tự trụ.

Trước đã nói: định thuận theo phần thoái của tự địa tức thuận trong phần trụ. Ít thuận với thoái là phần ít thuận với thoái, nên được tên thuận với thoái. Nhưng tâm định này và tâm giữ lấy địa vị phần nhiều quan hệ nhau. Cho nên thuộc về thuận với phần trụ.

Các người nào chưa mất tâm thuận với phần thoái, thì tâm ấy vô gián khởi phiền não hiện tiền. Nếu xả bỏ tâm này, thì thuộc về thuận với trụ. Còn phần ít thuận với phần thoái tức là khởi phiền não mà lui sụt. Cho nên về nghĩa văn, không có gì trái nhau.

Nếu khởi triển dục mà lui mất, thì từ hai tâm thiện, vô phú vô ký vô gián của địa mình, đều chấp nhận hiện tiền.

Các vị Học khởi hoặc mà lui sụt, là khi khởi phiền não của cõi Sắc, Vô sắc mà lui sụt. Nếu trước kia hoàn toàn lìa nhiễm của địa này, thì chỉ từ định thuận với phần thoái của tự địa tương ứng với tâm thiện vô gián mà khởi. Nếu chưa hoàn toàn lìa nhiễm ở địa này, thì từ hai tâm thiện và nhiễm ô của địa này vô gián, đều chấp nhận hiện tiền.

Khởi triển cõi Dục mà thoái lui. Nghĩa là nếu trước hoàn toàn lìa nhiễm trói buộc của cõi Dục, thì từ hai tâm thiện, vô phú vô ký của địa mình vô gián đều chấp nhận hiện tiền. Nếu chưa hoàn toàn lìa nhiễm cõi Dục, thì từ ba tâm thiện, nhiễm, vô phú vô ký của cõi Dục vô gián, đều chấp nhận hiện tiền. Nếu chưa hiện tiền đạt được tính lự thanh tịnh, Vô sắc, thì tất nhiên không thể khởi triển Sắc, Vô sắc lui mất pháp đã đắc. Hoặc kia từ địa của nó mà khởi. Cho nên chỉ khởi triển cõi Dục, lui mất pháp đã đắc. Nếu hiện tiền được tính lự thanh tịnh, vẫn chưa được Vô sắc tịnh hiện tiền, thì tất nhiên không thể khởi triển Vô sắc mà lui sụt, khởi triển cõi Dục, cõi Sắc lui mất chỗ đã đắc.

Nếu đã thu đạt được Vô sắc, tính lự thanh tịnh hiện tiền, khởi chung triển cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc lui mất chỗ đã đắc, khi các hữu lui mất chỗ đã chứng đắc trước kia, nếu khởi triển địa trên hiện ở trước lui sụt, thì không mất thiện của địa dưới, không hình thành hoặc địa dưới. Nếu khởi triển địa dưới hiện ở trước lui sụt thì chắc chắn mất thiện của địa trên, nhất định hình thành hoặc của địa trên.

Lại có dục khiến trước phải thoái lui rồi, thời gian sau, đối với cảnh, hoặc mới hiện tiền. Thi Thiết Túc Luận sẽ giải thích ra sao? Như luận kia nói: Ba triển Vô sắc, mỗi triển hiện khởi, lui sụt tận Vô sắc, trụ trong tận sắc.

Thức Thân Túc Luận lại giải thích thế nào? Như luận kia nói: Tâm nhiễm trói buộc cõi Vô sắc hiện tiền, xả thiện Vô học, nối tiếp thiện Hữu học, lui sụt tâm Vô học, trụ tâm Hữu học. Những hành động này đều không trái nhau. Vì căn cứ khi biết rõ mà nói, nghĩa là trước dù thoái mà chưa biết rõ, sau khi khởi hoặc, mới tự biết rõ là lui sụt. Như có người trước tụng bốn A-cấp-ma, khi ở giữa đã bỏ nhiều, dù quên, nhưng không biết rõ, sau tụng không được, mới tự biết là mình quên. Vì việc này lẽ ra cũng như thế, nên không có sai trái.

Trụ tâm nào thoái lui để sau đó khởi hoặc?

Trụ tâm dị thực sinh, công xảo, oai nghi, vô phú vô ký trong cõi Dục, thoái lui rồi, thời gian sau, mới có công năng khởi hoặc. Tuy nhiên,

tâm vô phú vô ký lệ thuộc cõi Dục này có lúc tổng thể trái với phiền não ba cõi. Tâm này chánh khởi, không có nghĩa lui sụt được hoặc của ba cõi. Hoặc có chỉ trái với phiền não cõi Dục, Sắc tâm này chánh khởi chấp nhận có nghĩa lui sụt được hoặc của Vô sắc. Hoặc chỉ có trái với phiền não cõi Dục, tâm này chánh khởi chấp nhận có nghĩa lui sụt được hoặc của hai cõi. Hoặc có khi không trái với phiền não ba cõi, tâm này chánh khởi chấp nhận có nghĩa lui sụt được hoặc của ba cõi.

Tất cả lui sụt rồi, tùy theo sự thích ứng của chúng, khởi hoặc, tâm trước kia đều như trên đã nói. Hai thuyết này, thuyết trước là đúng.

Như trên đã nói: Có đắc của luyện căn. Nay nên tư duy, lựa chọn sự luyện căn của các Thánh.

Có bao nhiêu đạo Vô gián? Bao nhiêu đạo Giải thoát? Vận dụng đạo hữu lậu để làm vô lậu ư? Dựa vào thân nào? Nương dựa địa nào? Tụng rằng:

*Vị Vô học luyện căn
Chín Vô gián, Giải thoát
Tập lâu, nên học một
Vô lậu, nương người ba
Vô học nương chín địa
Hữu học chỉ tựa sáu
Xả quả, đạo quả hơn
Chỉ được đạo quả thôi.*

Luận nói: Người tu luyện căn, cầu chủng tánh thù thắng, chuyển mỗi tánh trong vị Vô học, đều có chín Vô gián, chín đạo Giải thoát, như được Ứng quả. Vì sao? Vì căn tánh chậm lụt kia, do tập quán từ lâu, không phải chỉ một ít công sức mà chuyển được đạo Hữu học, Vô học, trở thành vững chắc. Chuyển mỗi tánh trong vị Hữu học, đều một Vô gián, một đạo Giải thoát, như đắc Sơ quả, không phải vì tập quán lâu. Các vị của đạo gia hạnh kia đều có một. Vị Hữu học, Vô học lúc tu luyện căn, đều tu lần lượt các chủng tánh sau, khi được chủng tánh tốt hơn, mới xả chủng tánh yếu trước. Cho nên, khi các Vô học tu luyện căn, gia hạnh tám giải thoát trước vô gián, thì như tương ứng đều là thuộc Thoái pháp v.v... Giải thoát thứ chín là Tư pháp v.v... Các người Hữu học khi tu luyện căn, gia hạnh vô gián thì thuộc về Thoái v.v... lúc đạo Giải thoát, gọi là Tư pháp v.v...

Tôi vốn vâng mệnh kế thừa các đại Luận sư, đều nói luyện căn là để ngăn dứt sức của hoặc do kiến, Tu đạo đoạn đã dẫn phát vô phú vô ký vô tri hiện hành. Cho nên, trong vị Hữu học người tu luyện căn,

chính vì ngăn dứt hoặc do Kiến đạo đoạn phát ra. Trong vị Vô học người tu luyện căn chánh vì ngăn dứt hoặc do Tu đạo đoạn phát ra. Giống như khi dứt hoặc của chủ thể phát kia, đã khởi ít nhiều giải thoát Vô gián như thế. Như thế, đoạn đối tượng phát kia đạo luôn hiện hành cũng như vậy. Thế nên, khi Vô học tu luyện căn, dùng chín đạo Vô gián, chín đạo Giải thoát, vị Hữu học luyện căn, vận dụng hai đạo, mỗi đạo đều một. Nhưng hoặc của Kiến, Tu đạo đoạn dẫn phát vô tri, tùy chướng ngại của chúng khác nhau mà có nhiều phẩm loại, nên khi chuyển biến Thoái v.v... thành Tư v.v..., thì các đạo hiện tiền, mỗi đạo đều có đối tượng dứt trừ. Do đó, không thể nhảy vượt qua mà được tánh thù thắng.

Có sư khác nói: Tất cả luyện căn đều có một gia hạnh Vô gián, Giải thoát. Thuyết trước nói là đúng. Về lý, như trước đã nói.

Như thế, đạo Vô gián và Giải thoát, tất cả chỉ thuộc về tánh vô lậu. Về lý, bậc Thánh không dùng đạo hữu lậu mà chuyển căn, vì thể của pháp thể tục không phải tăng thượng, không có khả năng thích nghi. Tất cả gia hạnh đều có cả hai thứ.

Như thế, nghĩa đã nói đây, chỉ căn cứ hiện hành, nếu gồm tu vị lai, lại có sai khác. Nghĩa là vị Vô học gia hạnh khi tu luyện căn, ở vị lai, cũng tu chung hai; chín đạo Vô gián và tám Giải thoát mà vị lai tu cũng chỉ vô lậu. Giải thoát thứ chín vị lai tu hai, gồm tu tất cả công đức của ba cõi cùng với Tận trí đầu tiên đã tu là đồng.

Nếu vị Hữu học khi tu luyện căn gia hạnh ở vị lai cũng tu cả hai Vô gián, giải thoát, tu vị lai cũng chỉ vô lậu, như được sơ quả.

Nếu vậy, há không là trái với Quảng luận. Như Quảng luận nói, từ tánh tín giải, tu hành luyện căn, khi được Kiến chí, mười bốn hóa tâm bấy giờ cũng được. Vậy sao không thừa nhận Học trong đạo Giải thoát cũng ở vị lai, tu đạo hữu lậu? Điều này không có lỗi. Vì sao? Vì luận kia chỉ dựa vào nghĩa cùng lúc đều đắc (câu đắc) mà nói. Như đạo của địa dưới khi đắc hiện ở trước, thì hóa tâm của địa trên cũng nói là đắc. Nghĩa là như người đã lìa nhiễm của ba tính lự, dựa vào sơ tính lự, nhập kiến đế, cũng nói là người ấy đã được hóa tâm của bốn định. Tuy nhiên, về lý, không nên do Kiến đạo của địa dưới hiện ở trước, nên tu pháp của địa trên. Văn kia chỉ căn cứ Kiến đạo cùng với việc phát sinh “câu đắc” mà nói. Đây lẽ ra cũng như thế.

Có sư khác nói: Các pháp vị lai có đắc, vì đắc tức gọi là tu. Đã đắc kia cùng có, sao không tu pháp dẫn đến đắc kia? Cho nên, các Hữu học khi tu luyện căn trong đạo Giải thoát, cũng tu hữu lậu nhưng không phải tất cả đều có khả năng tu chung. Nghĩa là nếu Dự lưu chưa đến quả sau

ma tu hạnh luyện căn trong đạo Giải thoát, thì giống như khi đắc quả chỉ tu vô lậu. Do thế, Kiến đạo được Nhất lai, Bất hoàn, khi chưa đến quả sau, nên biết cũng thế. Lìa từng phần Hữu đảnh, trung gian luyện căn, thì đạo giải thoát đã tu cũng chỉ vô lậu. Còn vị Hữu học khi tu luyện căn, thì đạo giải thoát đã tu đều có cả hai thứ.

Thuyết trên đây nói khéo. Vì sao? Vì không phải đắc kia cùng có, đều gọi tu pháp kia. Chớ cho rằng tất cả pháp đều tu được tất cả. Lại, vị Hữu học lúc tu luyện căn, chính vì ngăn trừ Kiến hoặc dẫn phát, với số đạo đoạn Kiến hoặc đã đồng. Sao đối tượng tu lại khác với quả Kiến đạo? Nếu hưởng đến sau, khoảng trung gian luyện căn trong đạo Giải thoát cũng tu hữu lậu, vị đạo Vô gián, sao không thừa nhận như vậy? Như khi lìa nhiễm, hai đạo đều bằng nhau. Nhưng vị Vô học khi tu luyện căn, số đạo đã tu như dứt Hữu đảnh. Nếu vị Hữu học khi tu luyện căn, thì số đạo đã tu, như dứt đối tượng đoạn thuộc Kiến đạo của cõi trên. Do vị Hữu học kia chỉ tương tự đạo với lúc gần được quả. Vị Hữu học, Vô học khi tu luyện căn, gia hạnh đều có cả từng được, chưa từng được. Vô gián giải thoát chỉ là chưa từng, tất cả đều có pháp trí, loại trí. Người tu luyện căn chỉ người ba châu, chỉ dựa vào thân này mới có thoát lui.

Vì sao gọi là luyện căn? Vì điều phục, rèn luyện các căn sao cho tăng trưởng. Nghĩa là vì năng lực của đạo, nên khiến căn nối tiếp xả địa dưới, được địa giữa, xả địa giữa được địa trên, thù thắng thêm dần, gọi là luyện căn. Cho nên luyện căn còn nghĩa là chuyển căn. Dù tám giải thoát dần dần được căn thù thắng hơn, nhưng do bản tâm cầu tánh thù thắng, nên chưa được tánh ấy, thì không bỏ tánh thấp kém trước. Cũng như được Quả sau, mới xả Hưởng trước. Như ở chủng tánh của vị Thánh có sáu, có thể tu luyện căn, còn trước Kiến đạo, các gia hạnh như Noãn v.v... nên thuận theo biết cũng thế. Nhưng có sai khác là nếu trong vị Thánh tu luyện căn, khi được chủng tánh thù thắng hơn thì bỏ được phần kém trước, còn trong vị Noãn v.v... tu luyện căn khi được tánh thù thắng hơn, thì chỉ tánh kém không hiện hành, gọi là chuyển căn, chứ không phải bỏ kém được.

Vô học, luyện căn, căn cứ chung chín địa nghĩa là bốn Tĩnh lực, Vị chí, Trung gian và ba Vô sắc, chỉ chín địa này có đạo vô lậu, còn địa khác không có.

Hữu học luyện căn, chỉ căn cứ sáu địa, trừ ba Vô sắc. Vì sao? Vì người chuyển căn chấp nhận có xả quả và đạo quả thù thắng. Chỗ chứng đắc chỉ quả, không phải đạo quả thù thắng, vì tâm ưa quả, nên

không có quả Hữu học thuộc về địa Vô sắc. Vì thế, nên người Học luyện căn, chỉ dựa vào sáu địa. Nếu thừa nhận vị Hữu học, dựa vào Vô sắc luyện căn thì nhất định là Bất hoàn trụ vị đạo quả thù thắng. Nhưng không có quả Bất hoàn thuộc về địa Vô sắc. Cho nên không dựa vào Vô sắc, tu luyện căn đắc quả, vì sơ quả, nhị quả chỉ thuộc về Vị chí, Bất hoàn chỉ thuộc về sáu địa.

Có thuyết nói: Chỉ có trụ quả luyện căn, không có lỗi xả nhiều, được ít, nên không có lỗi như thế. Do người luyện căn, với tâm trông mong quả tốt hơn chứ không mong cầu nhiều. Do đó, vị Hữu học tu luyện căn nếu trụ đạo quả, thì ba thứ gia hạnh v.v... đều thuộc về đạo quả. Nếu trụ đạo thù thắng gia hạnh Vô gián thuộc về đạo quả thù thắng, thì thuộc về đạo quả của đạo Giải thoát.

Người trụ vị Vô học, tu luyện căn, ba gia hạnh v.v... chỉ thuộc về đạo quả các vị trụ quả khi tu luyện căn, bỏ quả, được quả, trụ vị đạo cao siêu, khi tu luyện căn, xả hai quả đắc. Lại, các Thánh vị (trong bốn quả) khi tu luyện căn cùng với địa của quả vốn được, thì có đồng hoặc khác. Nghĩa là hai quả đầu tiên dựa vào địa thì đồng. Vì kia, đây đều dựa vào địa Vị chí. Còn Bất hoàn, Ứng quả dựa vào địa thì bất định. Nghĩa là dựa vào địa gốc, hoặc địa trên, dưới. Còn khác, nghĩa là nếu các Bất hoàn dựa vào địa dưới luyện căn, thì không được quả trên. A-la-hán không như vậy, vì như vốn được quả, phần đoạn kết Hữu đảnh, khi luyện căn được quả, dù xả đoạn kia, nhưng không thành kết. Như người phạm phu sinh bảy địa trên, tùy thuận xả bỏ sự đoạn của địa dưới mà không thành kết địa dưới, vì cùng là lúc tiến, không phải lúc thoái.

Các Bồ-đặc-già-la của vị Vô học, gồm có bao nhiêu loại? Do gì mà sai khác? Tụng rằng:

Bảy Thanh văn, hai Phật

Sai khác do chín căn.

Luận nói: Ở vị Vô học, bậc Thánh có chín, nghĩa là bảy Thanh văn và hai bậc giác ngộ. Thoái pháp v.v..nằm loại và Bất động chia làm hai, tổng là bảy loại Thánh. Vì sau, trước, khác biệt, nên gọi là bảy Thanh văn. Độc giác, và Đại giác, gọi là hai bậc giác ngộ.

Do tính từ căn hạ hạ phẩm lên đến căn thượng thượng phẩm khác nhau, khiến cho bậc Thánh Vô học trở thành chín thứ sai khác. Bồ-đặc-già-la Hữu học, Vô học, tất cả gồm chung không vượt quá bảy loại sau:

1. Tùy tín hành.
2. Tùy pháp hành.

3. Tín giải.
4. Kiến chí.
5. Thân chứng.
6. Tuệ giải thoát.
7. Câu giải thoát.

Căn cứ vào đâu lập bảy thứ. Có bao nhiêu sự khác biệt? Tụng rằng:

*Gia hạnh, Căn, Định diệt
Vì giải thoát thành bảy
Sự này riêng chỉ sáu
Vì ba đạo đều hai.*

Luận nói: Căn cứ gia hạnh khác nhau, lập hai hạng đầu tiên. Nghĩa là căn cứ vào thời gian trước, tùy theo tin vào lời nói người khác và tự mình thuận theo pháp, có thể ở trong tất cả nghĩa đã mong cầu mà tu gia hạnh. Cho nên đặt tên gọi: Tùy tín hành, Tùy pháp hành.

Dựa vào căn không đồng lập hai hạng kế tiếp. Nghĩa là dựa vào Tín căn, Tuệ căn chậm lụt, nhạy bén tăng, như thứ lớp, gọi là Tín giải, Kiến chí. Căn cứ đặc diệt định, đặt tên gọi Thân chứng. Vì thân chứng được định Diệt tận, nên dựa vào giải thoát khác, lập hai thứ sau. Nghĩa là căn cứ chỉ tuệ lìa chướng phiền não thì lập Tuệ giải thoát. Căn cứ chung được định và lìa chướng giải thoát đặt tên gọi là Câu giải thoát. Các tên gọi này dù có bảy mà sự khác nhau chỉ sáu, nghĩa là có hai bậc Thánh trong Kiến đạo: 1. Tùy tín hành. 2. Tùy pháp hành. Bậc Thánh này đến Tu đạo, đặt riêng hai tên gọi: 1. Tín giải. 2. Kiến chí.

Vị này đến Vô học, lại đặt hai tên gọi, đó là Thời giải thoát, và Bất thời giải thoát. Tuy nhiên, chỉ nên nói có hai bậc Thánh: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, vì có khác, tức hai hạng này tùy theo đạo mà có sai khác. Mặc dù đặt tên khác, nhưng không có tự thể riêng.

Những Bồ-đặc-già-la nói trên nếu căn cứ ở căn tánh, đạo, sự lìa nhiễm các môn riêng biệt, phân tích số thành nhiều ngàn. Vả lại, như một Tùy tín hành đầu tiên, vì căn nên thành ba, là hạ, trung, thượng, vì tánh nên thành năm, là: pháp thoái v.v... vì đạo, nên thành mười lăm, nghĩa là tám Nhẫn, và bảy trí. Vì lìa nhiễm, nên thành bảy mươi ba, là cụ phược, lìa nhiễm của tám địa.

Vì dựa vào thân nên thành chín, nghĩa là ba châu, các tầng trời cõi Dục. Nếu đạo, căn tánh, lìa nhiễm, dựa vào thân, nhân nhau hợp thành một ức, bốn vạn bảy ngàn tám trăm hai mươi lăm thứ. Tùy pháp hành v.v... nên tư duy như lý.

Các môn như thế v.v... sai khác vô lượng. Nếu muốn dựa vào phần nhỏ nhiệm, mỗi mỗi phân biệt, thì lập công sức rất nhiều mà cần sử dụng rất ít. Cho nên ở đây, ta lược chỉ bày phần chính, người học có trí nên rộng tư duy, lựa chọn.

Trước đã nói căn cứ giải thoát để đặt ra hai thứ sau. Lập hai thứ tướng sau do đâu, nên biết. Tụng rằng:

*Câu do được Diệt định
Khác, gọi Tuệ giải thoát.*

Luận nói: Các A-la-hán được định Diệt tận, gọi là Câu giải thoát. Do năng lực của tuệ định song song với giải thoát phiền não, giải thoát chướng. Người khác chưa đạt định Diệt tận, gọi Tuệ giải thoát, chỉ do sức của tuệ được giải thoát đối với phiền não chướng.

Thế nào gọi là thể của giải thoát chướng?

Tâm của các A-la-hán đã giải thoát, mà lại cầu giải thoát vì giải thoát là chướng của họ. Nghĩa là ở trong các giải thoát vốn chướng ngại ấy có tánh vô tri, vô phú vô ký yếu kém có thể làm chướng ngại giải thoát, chính là thể của chướng giải thoát. Đối với chướng kia, A-la-hán khi được lìa nhiễm, dù đã dứt không còn sót mà khi khởi giải thoát, chướng kia không hiện hành, mới gọi giải thoát chướng kia.

Có sư khác nói: Chướng giải thoát, thể của nó là không tự tại trong các định

Có sư khác nói: Chướng giải thoát, thể của nó là không đắc các định.

Có sư khác nói: Đối với gia hạnh giải thoát kia, vì không siêng năng tìm, vì không lắng nghe, vì không thường tu tập, nên giải thoát không sinh, đó gọi là thể của chướng giải thoát.

Thuyết đầu tiên hợp lý. Vì sao? Vì sẽ có một ít sức pháp có thể làm chướng ngại, khiến cho A-la-hán kia ở định không tự tại chuyển.

Nếu không đúng, thì A-la-hán duyên cố gì trong các định không được tự tại?

Không đắc định, thì có nguyên nhân, nếu “không thể nói” tức nhân thì không được làm thể của tự nó và cũng không nên trở lại nhân nơi chính nó. Hoặc phiền não chướng lẽ ra cũng có thể nói, tức dùng Ứng quả không được làm tánh. Nghĩa không tự tại trong các định đã không đúng, thì không đắc định làm sao như thế!

Lại, quả A-la-hán cũng do ở gia hạnh, vì không siêng năng mong cầu v.v..., nên tự thể không được sinh. Há đó là không có tự thể của chướng phiền não riêng khác? Cho nên, ba thuyết sau đều không đúng.

Lại, tâm vô lậu cũng có từ gia hạnh này, gọi là đắc giải thoát.

Do căn cứ ở thân và căn cứ hiện hành thế gian nói giải thoát. Nghĩa là phải giải thoát, là khi chướng giải thoát, mới khởi ở thân và hiện hành ở đời.

Các A-la-hán có tên đồng, căn cũng đồng phải không?

Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Trong Tuệ giải thoát, có Thời giải thoát, Bất thời giải thoát. Trong Câu giải thoát có hai cũng vậy.

2. Trong Thời giải thoát, có Tuệ giải thoát, có Câu giải thoát. Bất thời giải thoát có hai cũng thế.

3. Trong Tuệ giải thoát có hai: Thời giải thoát tự so sánh lẫn nhau có hai. Bất thời giải thoát, Câu giải thoát cũng thế.

4. Trong Tuệ giải thoát giữ lấy Thời giải thoát. Bất thời giải thoát trong Câu giải thoát, lần lượt đối nhau.

Trái với đây, nên biết cũng thế.

Như Đức Thế Tôn nói năm phiền não dứt, không để chúng dẫn dắt, chưa gọi là Học mãn. Vị học, Vô học do nguyên nhân nào mà trong những vị bằng nhau chỉ một mình xứng đáng là toàn mãn? Tụng rằng:

Hữu học gọi là Mãn

Do ba: căn, quả, định

Vô học được tên Mãn

Chỉ do hai: căn, định.

Luận nói: Học đối với vị Học, riêng được gọi là Mãn, phải đủ ba nhân, nghĩa là: Căn, quả, định, nên Kiến chí, Thân chứng, riêng được gọi là mãn. Có thiếu một ít, còn không phải Học mãn, huống chi thiếu tất cả, mà được gọi là mãn!

Thế nào gọi là có thiếu một ít?

Nghĩa là Tín giải được định Diệt tận, hoặc Kiến chí Bất hoàn chưa được định Diệt tận, hoặc Kiến chí chưa lìa dục, hoặc Tín giải, Bất hoàn chưa được định Diệt tận. Thế nào gọi là thiếu tất cả? Là Tín giải chưa lìa dục, chấp nhận thiếu một ít cũng được gọi mãn.

Sư kia nói thế này: Có người Hữu học, chỉ vì do căn, nên cũng được gọi là mãn, nghĩa là các Kiến chí chưa lìa nhiễm dục. Có người Hữu học chỉ vì do quả, cũng được gọi là mãn, nghĩa là Tín giải Bất hoàn chưa định Diệt tận. Có người Hữu học vì căn, quả, nên cũng được gọi là mãn, nghĩa là Kiến chí, Bất hoàn chưa định Diệt tận.

Có người Hữu học vì do quả, định, nên cũng được gọi là mãn,

nghĩa là các Tín giải được định Diệt tận. Có người Hữu học, vì đủ do ba nên riêng được tên mãn, nghĩa là các Kiến chí được định Diệt tận.

Không có người Hữu học, vì chỉ do định và vì căn định, nên cũng được gọi là mãn.

Thuyết này không đáng nương tựa, làm sao Hữu học đối với công đức thù thắng Hữu học, cũng chưa đủ chứng mà được thừa nhận gọi là mãn?

Như thuyết trước, về lý nhất định có thể nương tựa.

Trong vị Vô học, vì đều là quả mãn, nên không do quả để đặt tên mãn.

Vị mình đối nhau, riêng gọi mãn. Phải đủ hai thứ, là căn và định, nên chỉ Bất thời, Câu giải thoát, nghĩa là đối với Vô học khác, riêng được gọi là mãn, hề thiếu bất cứ một pháp nào còn không phải Vô học mãn, huống chi thiếu cả hai mà được gọi là Vô học mãn ư?

Thế nào là hề thiếu bất cứ một pháp nào? Nghĩa là Thời giải thoát được định Diệt tận, hoặc Bất thời giải thoát không được định Diệt tận.

Những gì gọi là cả hai thiếu hai?

Nghĩa là Thời giải thoát không được định Diệt tận, có thừa nhận thiếu một, cũng được tên mãn.

Thuyết này không thể dựa vào, về lý như trước đã nói. Như Khế kinh nói: Hai A-la-hán:

1. Đủ Tam minh.
2. Bất thoái pháp.

Thuyết trước đã nói: Trong các Ứng quả, hai A-la-hán thuộc về Ứng quả nào?

Vả lại, Bất thoái pháp thâm nhiếp ở Bất động. Nhưng Bất động này có hai loại khác biệt:

1. Chỉ có khả năng không thoái Ứng quả.
2. Không thoái tất cả đức thù thắng.

Trong đây loại một chỉ gọi Bất động. Như Tư pháp v.v... do luyện căn được, vẫn có lui mất quả A-la-hán. Loại một khác đây nên được gọi là Bất động. Tuy nhiên, tất cả công đức thù thắng và Ứng quả, cũng có thể lui mất thì không gọi Bất thoái. Loại thứ hai cũng không có lui sụt các đức thù thắng nên kinh đối với loại này đặt tên Bất thoái. Vì trong Bất động, đối với công đức thù thắng có người có thể thoái, thế nên kinh đối với bên trong Bất động, lập thêm Bất thoái pháp và đủ Tam minh.

Có thuyết nói: Tam minh này thâm nhiếp ở Tuệ giải thoát. Trong Câu giải thoát, há không là túc trụ, tử sinh-lậu tận, ba thứ diệu trí gọi là

Tam minh? Nếu thành tựu đủ ba thứ diệu trí này, thì gọi đủ Tam minh. Nói như thế vì muốn làm sáng tỏ điều gì? Nếu đủ Tam minh, thì sẽ khởi tĩnh lự. Vì Tam minh phải dựa vào tĩnh lự phát ra, nên không phải Tuệ giải thoát tĩnh lự hiện tiền. Kinh Tô Thi Ma nói rõ, làm sao nói tuệ giải thoát cũng thâm nhiếp đủ Tam minh?

Điều này không trái với nhau, vì kinh căn cứ ở mãi. Tuy nhiên, có người đã được bảy giải thoát, vì chưa được định diệt, nên cũng gọi là Tuệ giải thoát. Căn cứ không được thể của định Diệt tận, để kiến lập hai giải thoát: tuệ, câu. Về lý, là như thế. Vì Khế kinh nói: “Có đủ Tam minh, không phải Câu giải thoát”. Đã có thuyết này, ấy là chắc chắn biết có đủ Tam minh, không phải Câu giải thoát là tuệ giải thoát, đây là gì? Vì thế đã nói đủ Tam minh, nghĩa là hai giải thoát gồm nhiếp chắc chắn là hợp lý.

Có người nói: Phi lý. Vì sao? Vì kinh đã dẫn không rõ ràng, đối với Khế kinh khác, có trái nghịch. Nghĩa là kinh đã dẫn kia, tùy ý nêu kinh rằng: “Có đủ Tam minh, không phải Câu giải thoát”. Căn cứ ngăn chặn việc nói Câu giải thoát viên mãn, nhưng chỉ ít chỉ được tĩnh lự căn bản đầu tiên hiện ở trước, cũng nói gọi là Câu giải thoát, như kinh khác nói: “Bấy giờ, Ca Mạc Ca hỏi Tôn giả Khánh Hỷ: Ở mỗi chỗ, Đức Thế Tôn nói Câu giải thoát. Câu giải thoát này gọi là gì mà Đức Phật thường dạy bảo như vậy?”

Tôn giả Khánh Hỷ đáp: “Câu giải thoát, là đi vào sự lừa dục ác bất thiện pháp, có tầm, có tứ ly sinh hỷ lạc, trong sơ tĩnh lự, đầy đủ an trụ và do tuệ, nên thấy các lậu tận. Ngang đây, mới gọi người Câu giải thoát.” Chuẩn theo kinh này nói, biết kia đã tự ý nêu kinh. Căn cứ ngăn chặn việc nói Câu giải thoát viên mãn, tức sau kinh này nói: “Nên biết còn lại gọi là Tuệ giải thoát.” Lại, vì ngăn chặn Tuệ giải thoát khởi định căn bản đầu tiên, tiếp Tôn giả Khánh hỷ bảo Ca-mạc-ca: “Nhân giả phải biết! Không phải Tuệ giải thoát, đã đi vào sự lừa dục, ác bất thiện pháp, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc, trong sơ tĩnh lự an trụ đầy đủ. Nhưng có thể dùng tuệ để thấy các lậu tận”.

Đức Thế Tôn nói người Tuệ giải thoát, do đó kia cho rằng: Kinh Tô-Thi Ma căn cứ nói Tuệ giải thoát viên mãn, chỉ căn cứ người đã được định Diệt tận để lập Câu giải thoát, lý ấy không thành. Cho nên ý trong kinh này chỉ rõ nghĩa ấy.

Đủ Tam minh: Phải là Câu giải thoát, phải khởi tĩnh lự căn bản hiện tiền, mới có được gọi đủ Tam minh, Có Câu giải thoát không phải đủ Tam minh, nghĩa là A-la-hán được tám giải thoát, mà chưa thể khởi

Tam minh hiện ở trước.

Nay, hiểu tường tận ý thú chân thật của các kinh: Nếu Tuệ-Câu giải thoát viên mãn thì thể của chúng đều khác Còn chưa khởi căn bản, đã được vị Diệt tận, thì cách xa.

Không viên mãn: Nghĩa là hai thể xen lẫn nhau. Tùy theo ở thuyết đều là thông qua, không nên tranh cãi. Nhưng muốn phân biệt, khiến không có xen lẫn, lẽ ra căn cứ định diệt, không được mà nói, vì tuệ giải thoát không được định Diệt, tĩnh lự căn bản. Mặc dù không hiện hành, nhưng đối với quá khứ, vị lai, tất nhiên thành tựu.

Do đó, có thể nói đủ Tam minh, nghĩa là về lý, gồm thấu chung trong hai giải thoát.

